

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA QUYỀN TÓNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 23

BÁO CÁO CỦA QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Quyền Tổng Giám đốc trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đại Việt cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GP ngày 28 tháng 6 năm 2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu và Quyết định điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 9 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở của Công ty được đặt số 46 – 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có Chi nhánh Hà Nội đặt tại Lầu 2, 96 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Ngày 04 tháng 12 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc đóng cửa Chi nhánh Hà Nội theo quyết định chấp thuận đóng cửa chi nhánh Công ty chứng khoán số 832/QĐ-UBCK ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và kinh doanh chứng khoán.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị:

- | | |
|---------------------------|---|
| - Ông Nguyễn Tuấn | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 16/07/2015),
Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/06/2015) |
| - Bà Lê Thị Bích Thủy | Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 16/07/2015),
Chủ tịch (từ nhiệm ngày 03/02/2015) |
| - Ông Nguyễn Ngọc Duy Anh | Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/07/2015),
Quyền chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25/06/2015) |
| - Ông Hoàng Minh Dũng | Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/07/2015) |
| - Ông Phạm Công Trung | Thành viên (bổ nhiệm ngày 09/01/2015, miễn nhiệm ngày 16/07/2015) |
| - Ông Phạm Đức Luận | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03/02/2015, từ nhiệm 25/06/2015) |
| - Ông Mai Hữu Khương | Thành viên (miễn nhiệm ngày 09/01/2015) |
| - Ông Phan Thành Mai | Thành viên (miễn nhiệm ngày 09/01/2015) |
| - Ông Nguyễn Quốc Viễn | Thành viên (miễn nhiệm ngày 09/01/2015) |
| - Ông Nguyễn Thành Duy | Thành viên (miễn nhiệm ngày 09/01/2015) |

Ban kiểm soát:

- | | |
|----------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Trường Thành | Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/07/2015)
Thành viên đại diện thực hiện chức năng, nhiệm vụ của
Trưởng ban kiểm soát (phân công ngày 23/09/2015) |
| - Ông Lương Vũ Quang Trung | Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/07/2015) |
| - Bà Trịnh Thị Tuyết Minh | Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/07/2015) |

Tổng Giám đốc:

- | | |
|----------------------|--|
| - Ông Trương Thế Hải | Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/04/2015) |
| - Bà Hoàng Thị Tâm | Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01/04/2015) |

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

6. Công bố trách nhiệm của Quyền Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Quyền Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để lập Báo cáo tài chính này, Quyền Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Quyền Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Quyền Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

7. Công bố Báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ông **TRƯƠNG THẾ HẢI**

Q. Tổng Giám đốc

Theo ủy quyền số 02/2016/UQ-CT.HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Số: 140/2016/BCKT-HCM.00264

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông,
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Quyền Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Quyền Tổng Giám đốc

Quyền Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Quyền Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Quyền Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 -TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.124.379.436	79.568.847.632
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	53.246.694.266	56.283.899.849
Tiền	111		15.246.694.266	19.283.899.849
Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	37.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.738.045.690	7.590.842.483
Đầu tư ngắn hạn	121	4.3	8.003.022.740	8.003.022.740
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129	4.3	(264.977.050)	(412.180.257)
Các khoản phải thu	130		7.948.233.928	15.565.882.150
Phải thu khách hàng	131		54.000.000	60.600.000
Trả trước cho người bán	132		131.736.000	131.736.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	4.4	305.462.394	516.497.030
Các khoản phải thu khác	138	4.5	96.405.695.547	96.431.418.976
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.6	(88.948.660.013)	(81.574.369.856)
Hàng tồn kho	140			
Tài sản ngắn hạn khác	150		191.405.552	128.223.150
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	136.590.292	95.549.840
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.8	54.815.260	32.673.310

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.729.916.600	132.325.954.736
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		7.190.338.690	10.771.500.878
Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	894.312.101	2.560.547.582
Nguyên giá	222		16.493.536.417	17.150.081.039
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.599.224.316)	(14.589.533.457)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.10	6.296.026.589	8.175.051.573
Nguyên giá	228		15.534.880.046	15.534.880.046
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.238.853.457)	(7.359.828.473)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	35.901.723
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		124.536.486.441	115.464.618.346
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	253	4.3	25.779.654.168	25.779.654.168
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		-	-
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	4.3	121.113.962.800	121.113.962.800
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.3	(22.357.130.527)	(31.428.998.622)
Tài sản dài hạn khác	260		6.003.091.469	6.089.835.512
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	1.376.430	252.932.176
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	4.12	5.296.064.839	4.999.856.776
Tài sản dài hạn khác	268	4.13	705.650.200	837.046.560
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		206.854.296.036	211.894.802.368

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN			-	-
NỢ PHẢI TRẢ	300		12.372.457.235	13.764.593.312
Nợ ngắn hạn	310		12.372.457.235	13.764.593.312
Vay ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312		19.950.000	18.850.000
Người mua trả tiền trước	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	57.883.793	84.291.198
Phải trả công nhân viên	315		367.500	-
Chi phí phải trả	316		563.135.394	297.676.003
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	325.178.080	421.955.880
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	4.16	11.401.722.001	12.939.171.766
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		3.031.202	1.459.200
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.189.265	1.189.265
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			
Vốn chủ sở hữu	410		194.481.838.801	198.130.209.056
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	138.575.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.562.404.755	3.562.404.755
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		4.237.404.755	4.237.404.755
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(63.317.970.709)	(198.244.600.454)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		206.854.296.036	211.894.802.368

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
 46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - TP. HCM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản thuê ngoài	001		-	-
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
Tài sản nhận ký cược	003		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
Ngoại tệ các loại	005		-	-
- USD			-	-
- EUR			-	-
Chứng khoán lưu ký trong đó	006		128.645.340.000	143.418.790.000
Chứng khoán giao dịch	007		127.184.920.000	142.152.530.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		7.999.120.000	7.980.350.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		109.437.540.000	125.984.920.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		9.748.260.000	8.187.260.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		72.600.000	214.400.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		72.600.000	214.400.000
Chứng khoán chờ thanh toán	027		975.300.000	1.004.100.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		975.300.000	1.004.100.000
Chứng khoán chờ giao dịch	037		412.520.000	47.760.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		412.120.000	46.920.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		400.000	840.000
Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết trong đó	050		34.404.190.000	59.832.210.000
Chứng khoán giao dịch	051		34.386.490.000	25.856.410.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		770.000	770.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		34.322.720.000	25.842.640.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		63.000.000	13.000.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		13.500.000	13.500.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		13.500.000	13.500.000
Chứng khoán cầm cố	061		-	33.961.300.000
- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		-	33.961.300.000
Chứng khoán chờ thanh toán	071		4.200.000	1.000.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		4.200.000	1.000.000
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		44.219.740.000	41.144.990.000


ĐỖ THỊ MỸ LINH
 Người lập biểu


TRẦN THỊ RỘNG
 Kế toán trưởng




TRƯƠNG THẾ HẢI
 Q. Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT


46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 -TP. HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu	01	5.1	7.329.614.316	13.086.358.999
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		477.039.135	2.213.112.944
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.554.732.142	7.402.700.415
Doanh thu khác	01.9		2.297.843.039	3.470.545.640
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	21.075.965
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		7.329.614.316	13.065.283.034
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	5.2	(4.175.837.610)	27.920.556.126
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		11.505.451.926	(14.855.273.092)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.3	15.275.105.953	7.625.827.975
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(3.769.654.027)	(22.481.101.067)
Thu nhập khác	31		228.540.363	8.054.226
Chi phí khác	32		107.256.591	48
Lợi nhuận khác	40		121.283.772	8.054.178
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.648.370.255)	(22.473.046.889)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.4	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	5.5	(3.648.370.255)	(22.473.046.889)
Lãi trên cổ phiếu	70	5.10	(146)	(899)


ĐỖ THỊ MỸ LINH
Người lập biểu


TRẦN THỊ RÒNG
Kế toán trưởng




TRƯƠNG THẾ HẢI
Q. Tổng Giám đốc


TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(3.648.370.255)	(22.473.046.889)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.597.109.806	3.844.774.087
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(1.844.781.145)	14.143.220.832
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.960.316.214)	(3.079.866.678)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(8.856.357.808)	(7.564.918.648)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	409.274.731	13.402.837.966
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(1.392.136.077)	(7.072.199.852)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	210.515.294	671.003.747
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	227.089.410	243.617.196
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(414.043.063)	(489.647.748)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.815.657.513)	(809.307.339)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(83.770.687)	(1.413.981.723)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	228.536.363	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.802.100.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.713.727.678
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.633.686.254	2.899.623.622
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.778.451.930	4.397.269.577
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	(3.037.205.583)	3.586.962.238
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	56.283.899.849	52.696.937.611
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	53.246.694.266	56.283.899.849


ĐỖ THỊ MỸ LINH
Người lập biểu


TRẦN THỊ RÒNG
Kế toán trưởng


TRƯƠNG THẾ HẢI
Q. Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016




CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
 46 - 48 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - TP. HCM
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Năm 2015

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng giảm				Số dư cuối năm	
		2014		Năm 2014		Năm 2015		2014	
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		138.575.000.000	138.575.000.000	-	-	138.575.000.000	-	138.575.000.000	-
Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính		3.562.404.755	3.562.404.755	-	-	-	-	3.562.404.755	3.562.404.755
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.237.404.755	4.237.404.755	-	-	-	-	4.237.404.755	4.237.404.755
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối		(175.771.553.565)	(198.244.600.454)	(22.473.046.889)	-	134.926.629.745	-	(198.244.600.454)	(63.317.970.709)
trong đó :									
- Chuyển thặng dư vốn cổ phần bù lỗ lũy kế				-	-	138.575.000.000	-		
- Kết quả thực hiện (lãi / lỗ)				(22.473.046.889)	-	(3.648.370.255)	-		
Cộng		220.603.255.945	198.130.209.056	(22.473.046.889)	(22.473.046.889)	134.926.629.745	138.575.000.000	198.130.209.056	194.481.838.801

Lý do tăng giảm :

- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 (họp lần thứ 3), Công ty sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần, số tiền 138.575.000.000, bù lỗ lũy kế.


ĐỖ THỊ MỸ LINH
 Người lập biểu


TRẦN THỊ RÕNG
 Kế toán trưởng



TRƯƠNG THẾ HẢI
 Q. Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GP ngày 28 tháng 6 năm 2006 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu và Quyết định điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 9 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật

Trụ sở của Công ty được đặt số 46 – 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có Chi nhánh Hà Nội đặt tại Lầu 2, 96 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Ngày 04 tháng 12 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc đóng cửa Chi nhánh Hà Nội theo quyết định chấp thuận đóng cửa chi nhánh Công ty chứng khoán số 832/QĐ-UBCK ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và kinh doanh chứng khoán.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 26 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 : 32 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và theo Chế độ Kế toán các công ty chứng khoán sau :

- Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp ;
- Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về việc hướng dẫn chế độ kế toán các công ty chứng khoán thay thế cho Quyết định 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 ;
- Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc sửa đổi, bổ sung thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

Từ ngày 01/01/2016, Báo cáo tài chính sẽ được trình bày theo thông tư 210/2014/TT-BTC. Thông tư này thay thế thông tư 95/2008/TT-BTC và thông tư 162/2010/TT-BTC trong việc hướng dẫn chế độ kế toán và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với các Công ty chứng khoán thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Phương tiện vận tải	8 năm
Máy móc, thiết bị quản lý	8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	8 năm
Bán quyền	8 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

3.5 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.6 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán ;

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm.

3.7 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

3.9 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua, dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động môi giới

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được căn cứ vào mức phí quy định của Công ty nhưng không được vượt mức quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức. Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận vào thu nhập mà chỉ ghi nhận số lượng tăng thêm.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán.

3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế TNDN được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.12 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cũng được kiểm soát hoặc cũng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
 46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	21.930.846	12.940.307
Tiền gửi ngân hàng (*)	15.224.763.420	19.270.959.542
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng – kỳ hạn dưới 3 tháng)	38.000.000.000	37.000.000.000
	53.246.694.266	56.283.899.849

(*) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2015 và vào ngày 01/01/2015 như sau :

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	2.818.279.429	5.336.440.166
- Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư	10.863.604.749	11.856.446.340
- Tiền gửi thanh toán bù trừ	1.542.879.242	2.078.073.036
	15.224.763.420	19.270.959.542

4.2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a. Của Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	16.754.042	211.643.561.400
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
	16.754.042	211.643.561.400

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Tại ngày 31/12/2015

	Giá trị theo sổ sách VND	Số với giá thị trường Tăng VND	Giảm VND	Giá thị trường VND	Dự phòng VND
a. Đầu tư ngắn hạn	8.003.022.740	640.505.010	264.977.050	8.378.550.700	264.977.050
- Chứng khoán kinh doanh : cổ phiếu niêm yết	3.003.022.740	640.505.010	264.977.050	3.378.550.700	264.977.050
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 90 ngày	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-
b. Đầu tư dài hạn	146.893.616.968	112.472.100	22.357.130.527	124.648.958.541	22.357.130.527
- Chứng khoán sẵn sàng để bán : cổ phiếu niêm yết	25.779.654.168	89.600	5.466.204.868	20.313.538.900	5.466.204.868
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	112.382.500	16.890.925.659	104.335.419.641	16.890.925.659
Tổng cộng	154.896.639.708	752.977.110	22.622.107.577	133.027.509.241	22.622.107.577

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
 46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.3 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2014

	Giá trị theo sổ sách VND	So với giá thị trường		Giá thị trường VND	Dự phòng VND
		Tăng VND	Giảm VND		
a. Đầu tư ngắn hạn	8.003.022.740	453.595.317	412.180.257	8.044.437.800	412.180.257
- Chứng khoán kinh doanh : cổ phiếu niêm yết	3.003.022.740	453.595.317	412.180.257	3.044.437.800	412.180.257
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 90 ngày	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-
b. Đầu tư dài hạn	146.893.616.968	405.962.334	31.428.998.622	115.870.580.680	31.428.998.622
- Chứng khoán sẵn sàng để bán : cổ phiếu niêm yết	25.779.654.168	405.962.334	9.618.691.102	16.566.925.400	9.618.691.102
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	21.810.307.520	99.303.655.280	21.810.307.520
Tổng cộng	154.896.639.708	859.557.651	31.841.178.879	123.915.018.480	31.841.178.879

4.4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền bán	305.462.394	516.497.030
	<u>305.462.394</u>	<u>516.497.030</u>

4.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu hoạt động giao dịch ký quỹ quá hạn từ năm 2009	87.546.514.872	87.557.044.872
Phải thu hoạt động ứng trước tiền bán quá hạn từ năm 2009	5.138.287.589	5.138.287.589
Phải thu quá hạn khác từ năm 2009	3.165.421.391	3.165.421.391
Phải thu khác	555.471.695	570.665.124
	<u>96.405.695.547</u>	<u>96.431.418.976</u>

4.6 Dự phòng các khoản phải thu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	81.574.369.856	83.564.607.971
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	7.374.290.157	(1.990.238.115)
Số dư cuối năm	<u>88.948.660.013</u>	<u>81.574.369.856</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
 46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí trả trước	136.590.292	95.549.840
	136.590.292	95.549.840

4.8 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tạm ứng	54.815.260	32.673.310
	54.815.260	32.673.310

4.9 Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Máy móc thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2015	16.572.119.121	547.861.918	30.100.000	17.150.081.039
Tăng trong năm	119.672.410	-	-	119.672.410
Giảm do thanh lý	(697.277.032)	(78.940.000)	-	(776.217.032)
Vào ngày 31/12/2015	15.994.514.499	468.921.918	30.100.000	16.493.536.417
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2015	14.118.130.693	459.174.629	12.228.135	14.589.533.457
Khấu hao trong năm	1.669.524.734	44.797.590	3.762.498	1.718.084.822
Giảm do thanh lý	(660.701.056)	(47.692.907)	-	(708.393.963)
Vào ngày 31/12/2015	15.126.954.371	456.279.312	15.990.633	15.599.224.316
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2015	2.453.988.428	88.687.289	17.871.865	2.560.547.582
Vào ngày 31/12/2015	867.560.128	12.642.606	14.109.367	894.312.101

4.10 Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền VND	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2015	544.697.432	14.990.182.614	15.534.880.046
Tăng trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/12/2015	544.697.432	14.990.182.614	15.534.880.046
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2015	491.174.770	6.868.653.703	7.359.828.473
Khấu hao trong năm	46.892.160	1.832.132.824	1.879.024.984
Vào ngày 31/12/2015	538.066.930	8.700.786.527	9.238.853.457
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2015	53.522.662	8.121.528.911	8.175.051.573
Vào ngày 31/12/2015	6.630.502	6.289.396.087	6.296.026.589

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
 46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ	-	243.297.166
Khác	1.376.430	9.635.010
	1.376.430	252.932.176

4.12 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	4.999.856.776	4.728.406.028
Tiền nộp bổ sung	-	-
Tiền lãi	296.208.063	271.450.748
Số dư cuối năm	5.296.064.839	4.999.856.776

4.13 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Kỳ quỹ	705.650.200	837.046.560
	705.650.200	837.046.560

4.14 Thuế và các khoản nộp nhà nước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	20.000.000	600.000
Thuế thu nhập cá nhân	37.883.793	83.691.198
	57.883.793	84.291.198

4.15 Phải trả khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả cổ tức	303.130.000	303.130.000
Kinh phí công đoàn	9.856.000	86.832.800
Bảo hiểm xã hội	11.730.000	30.986.000
Phải trả khác	462.080	1.007.080
	325.178.080	421.955.880

4.16 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư	10.863.459.329	11.856.038.798
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng chờ thanh toán	528.004.000	1.072.305.000
Phải trả Sở giao dịch, trung tâm lưu ký chứng khoán	10.258.672	10.827.968
	11.401.722.001	12.939.171.766

4.17 Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Chi tiết góp vốn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu
Phản vốn tổ chức	32,76%	8.189.150	33,33%	8.339.150
Phản vốn của cá nhân	67,24%	16.810.850	66,67%	16.660.850
		25.000.000		25.000.000

Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Theo mệnh giá
Ngân Hàng TMCP Xây Dựng Việt Nam	10,05%	2.513.000	25.130.000.000
Ngô Nguyễn Đoàn Trang	9,63%	2.406.651	24.066.510.000
Ngô Trí Đức	9,62%	2.405.000	24.050.000.000
Đỗ Hoàng Linh	9,60%	2.400.349	24.003.490.000
Công ty Điện Lực 2	7,20%	1.800.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. Hồ Chí Minh	7,20%	1.800.000	18.000.000.000
Tổng Công ty Rượu Bia Nước Giải Khát Sài Gòn	7,20%	1.800.000	18.000.000.000
Lê Thị Bích Thủy	7,79%	1.947.500	19.475.000.000
Lâm Hồng Trinh	5,54%	1.385.151	13.851.510.000
	73,83%	18.457.651	184.576.510.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	477.039.135	2.213.112.944
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)	4.554.732.142	7.402.700.415
Doanh thu khác (**)	2.297.843.039	3.470.545.640
	7.329.614.316	13.086.358.999

(*) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập từ cổ tức	4.554.732.142	2.797.710.961
Lãi từ mua bán chứng khoán	-	4.604.989.454
	4.554.732.142	7.402.700.415

() Doanh thu khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.244.870.778	2.885.982.783
Lãi từ hoạt động ứng tiền bán cho nhà đầu tư	52.972.261	454.702.699
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	100.860.158
Doanh thu khác	-	29.000.000
	2.297.843.039	3.470.545.640

5.2 Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	1.106.831.000	2.526.535.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.936.026.014	1.830.840.275
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	852.348.125	1.317.660.572
Chi phí thuê văn phòng	780.317.934	1.290.984.600
Lỗ từ thanh lý chứng khoán dài hạn	-	2.747.727.000
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	-	1.457.775.000
Chi phí / (hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(9.219.071.302)	16.133.458.947
Chi phí khác	367.710.619	615.574.001
	(4.175.837.610)	27.920.556.126

5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.450.887.850	3.986.876.611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.661.083.792	2.013.933.812
Chi phí thuê văn phòng	810.984.600	810.984.600
Chi phí thuê ngoài	1.586.204.177	1.918.347.652
Chi phí / (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.374.290.157	(1.990.238.115)
Chi phí khác	391.655.377	885.923.715
	15.275.105.953	7.625.828.275

5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	(3.648.370.255)	(22.473.046.889)
Điều chỉnh các khoản tăng/giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận tính thuế:		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.554.732.142)	(2.797.710.961)
- Chi phí không được khấu trừ	572.963.300	182.689.560
- Điều chỉnh khác	7.374.290.157	(1.990.238.115)
Lợi nhuận chịu thuế trong năm	(255.848.940)	(27.078.306.405)
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Lợi nhuận tính thuế	-	-
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

5.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	(3.648.370.255)	(22.473.046.889)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	CP	(3.648.370.255)	(22.473.046.889)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	CP	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	(146)	(899)

6. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể khiến Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

- Rủi ro về giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ các nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng (nhà đầu tư ủy thác).

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác quá hạn như sau :

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quá hạn trên 3 năm	95.850.223.852	95.860.753.852

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được xác định là có giảm giá và sự tăng, giảm dự phòng khoản giảm giá liên quan như sau :

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng	54.000.000	60.600.000
Ứng trước người bán	131.736.000	131.736.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	305.462.394	516.497.030
Phải thu khác	96.405.695.547	96.431.418.976
	96.896.893.941	97.140.252.006
Trừ dự phòng giảm giá đã lập	(88.948.660.013)	(81.574.369.856)
	7.948.233.928	15.565.882.150

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Quyền Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên :

Công cụ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người khác	19.950.000	-	-	19.950.000
Chi phí phải trả	563.135.394	-	-	563.135.394
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	303.592.080	-	-	303.592.080
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	11.401.722.001	-	-	11.401.722.001
	12.288.399.475	-	-	12.288.399.475

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT
 46 - 48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công cụ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người khác	18.850.000	-	-	18.850.000
Chi phí phải trả	297.676.003	-	-	297.676.003
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	304.137.080	-	-	304.137.080
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	12.939.171.766	-	-	12.939.171.766
	13.559.834.849	-	-	13.559.834.849

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối việc trả nợ là thấp.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	214.914.000	218.000.000
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	450.900.000	568.718.000
	665.814.000	786.718.000

7.3 Nợ tiềm tàng

Trong tháng 6 năm 2013, ba nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Hà Nội của Công ty đã khiếu nại Công ty vì mất tiền trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của họ với tổng số tiền là 2.048.000.000 VND. Phó Giám đốc Công ty phụ trách Chi nhánh Hà Nội đã thực hiện chuyển khoản số tiền này từ các tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư sang tài khoản kinh doanh chứng khoán của Ông khi chưa có sự đồng ý, xác nhận của các nhà đầu tư này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty và các cơ quan điều tra đang trong quá trình làm việc để điều tra sự việc trên. Công ty cam kết giải quyết vấn đề này với các nhà đầu tư khi có kết quả điều tra từ các cơ quan có thẩm quyền.

(Handwritten signatures and a red circular stamp of Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt, Quận 1 - TP Hồ Chí Minh)

ĐỖ THỊ MỸ LINH
 Người lập biểu

TRẦN THỊ RỒNG
 Kế toán trưởng

TRƯƠNG THẾ HẢI
 Q. Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016